

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GOLDEN FIVE VIỆT NAM

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ GOLDEN FIVE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM GOLDEN FIVE INTERNATIONAL TRADING INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM GOLDEN FIVE ITI ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108093747

3. Ngày thành lập: 13/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 73B, ngõ 140 Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email: goldentfive@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ viễn thông cơ bản; - Dịch vụ thoại; - Dịch vụ fax; - Dịch vụ truyền số liệu; - Dịch vụ truyền hình ảnh; - Dịch vụ nhắn tin; - Dịch vụ hội nghị truyền hình ảnh; - Dịch vụ kênh thuê riêng; - Dịch vụ kết nối Internet; - Kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: - Dịch vụ thư điện tử; - Dịch vụ thư thoại; - Dịch vụ fax giá tăng giá trị; - Dịch vụ truy cập Internet.	6190
2.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
3.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
4.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
5.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
6.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
8.	Sửa chữa thiết bị điện	3314

9.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
10.	Xây dựng nhà các loại	4100
11.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
14.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng(trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu.	4659
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại.	4719
17.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.	4791
18.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết:- Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế cấp thoát nước, xử lý nước thải công trình xây dựng; - Thiết kế nội, ngoại thất công trình; - Thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế điện, cơ điện công trình; - Thiết kế cấp thoát nước; - Thiết kế thông gió, cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin, liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế phòng cháy, chữa cháy.	7110
19.	Cổng thông tin	6312
20.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn	5510

23.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
24.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
25.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
27.	Trồng cây ăn quả	0121
28.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
29.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
30.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
31.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
32.	Xây dựng công trình công ích	4220
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
37.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
38.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
39.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
40.	Quảng cáo	7310
41.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
42.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
44.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết:- Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản.	6820
45.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
46.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

47.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
51.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
54.	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn cá nhân cho các bệnh nhân nội trú; - Dịch vụ tư vấn cho các bệnh nhân khám và điều trị ngoại trú theo đơn của các bác sĩ; - Dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe trong lĩnh vực y tế đa khoa và chuyên khoa; - Hoạt động tư vấn chăm sóc răng miệng; - Hoạt động về chỉnh răng; - Hoạt động phẫu thuật nha khoa.	8620
55.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh thực phẩm và thực phẩm chức năng	1079
56.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc	2100
57.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Tư vấn đấu thầu mua sắm hàng hóa; - Tư vấn đấu thầu công trình	7410
58.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: -Hoạt động tư vấn du học; - Tư vấn giáo dục	8560

59.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết:- Tư vấn, hướng dẫn trợ giúp hoạt động đối với người kinh doanh hoặc các dịch vụ cộng đồng	7020
60.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
61.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
62.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
64.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
65.	Cho thuê xe có động cơ	7710
66.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
67.	Lập trình máy vi tính	6201
68.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
69.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
70.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
71.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
72.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
73.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
74.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
75.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn; - Quán ăn tự phục vụ; - Quán ăn nhanh; - Cửa hàng bán đồ ăn mang về; - Xe bán hàng ăn lưu động; - Hàng ăn uống trên phố, trong chợ.	5610(Chính)
76.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...) Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng	5621
77.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng (trong thời gian cụ thể) - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ.	5629

78.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Dịch vụ đồ uống như nước sinh tố, nước hoa quả, bia, cafe,.....	5630
-----	--	------

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ XUÂN LƯƠNG	Tổ 29, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250	12.500.000	2,500	B5475184	
			Tổng số	1.250	12.500.000	2,500		
2	LÊ XUÂN LONG	Số 18 phố Lý Văn Phúc, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250	12.500.000	2,500	012992518	
			Tổng số	1.250	12.500.000	2,500		
3	NGUYỄN HẰNG NGA	Phòng 319A5 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	47.500	475.000.000	95,000	0011850188 96	
			Tổng số	47.500	475.000.000	95,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HẰNG NGA

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/11/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185018896

Ngày cấp: 22/06/2017

Nơi cấp: Cục ĐKQL CƯ TRÚ và DLQG VỀ DÂN CƯ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 319A5 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 319A5 TT Giảng Võ, Phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội